

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2025/DS-ST**

Ngày 08 tháng 01 năm 2025

*“Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản”
và “Tranh chấp Hợp đồng mượn tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Tân và ông Nguyễn Văn Sơn

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên: Ông Võ Phan Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1093/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc *“Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”* và *“Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 748/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 722/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty CP S Có Ngay; Trụ sở: số A N, phường B, Thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: KANOKWATPAISAL NAPAT - Chức vụ: Giám đốc

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hà V, sinh năm: 1983; Chức vụ: Nhân viên Công ty S tiền có ngay (theo giấy ủy quyền ngày 01/01/2024) (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc C, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số I Rạch X, Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. ĐT: 0707.692.441 (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần S (sau đây viết tắt Công ty S) do bà Nguyễn Thị Hà V là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 20/9/2023, bà Trần Thị Ngọc C có cầm cố tài sản với Chi nhánh L – Công ty TNHH S1 01 (một) xe mô tô; Nhãn hiệu: HONDA; Loại: VISION; Biển số xe: 67B2-139.20; Số khung: RLHJF5810GY308620; Số máy: JF66E0308659; Giấy chứng nhận đăng ký số: 080733 do Công an tỉnh A cấp ngày 15/12/2017 với số tiền cầm cố: 8.270.000 đồng; Thời hạn cầm cố: 12 tháng; Mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh; Ngày giải ngân: 20/9/2023; Lãi suất cầm cố: bằng 1.1% số tiền cầm cố/tháng; Phí quản lý hồ sơ cố định: bằng 0.5% số tiền cầm cố/tháng; Lãi suất quá hạn: bằng 4% số tiền quá hạn thanh toán/tháng tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn; Phí mượn xe: 3.5% số tiền cầm cố/tháng; Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm; Phí tắt toán hợp đồng trước thời hạn: 7% nợ gốc chưa thanh toán; Chi phí tố tụng: 10% trên dư nợ gốc, lãi, phí quản lý hồ sơ cố định chưa thanh toán.

Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, ngày 20/9/2023, bà C đã có đơn gửi Chi nhánh L - công ty S1 mượn lại chiếc xe nêu trên, thời gian mượn xe: 01 (một) tháng từ ngày 20/9/2023 đến ngày 20/10/2023. Để đảm bảo cho hợp đồng cầm cố tài sản số LJM230901008NA17X ký ngày 20/9/2023, khách hàng đã thế chấp tài sản đảm bảo là chiếc xe nêu trên và được Công ty đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của cục Đ.

Tại đơn khởi kiện, Công ty cổ phần S Có Ngay yêu cầu bà Trần Thị Ngọc C trả lại chiếc xe mô tô theo cam kết trên Giấy mượn xe ký ngày 20/9/2023. Trường hợp bà C không trả lại xe phải thanh toán số tiền 7.413.789 đồng (tạm tính đến ngày 16/8/2024), ngoài ra, còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại phiên hòa giải ngày 06/11/2024, Công ty S do bà V là đại diện theo ủy quyền thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó Công ty không yêu cầu bà C trả xe Honda theo Giấy mượn xe ký ngày 20/9/2023 và chi phí tố tụng; chỉ yêu cầu bà C thanh toán số tiền 6.957.235 đồng (tạm tính đến ngày 16/8/2024), trong đó: Tiền gốc: 4.331.760 đồng; Tiền lãi trong hạn: 160.718 đồng; Tiền lãi quá hạn: 294.690 đồng; phí quản lý hồ sơ cố định: 73.053 đồng; phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 346.541; P mượn xe: 1.447.250 đồng; Phí tắt toán hợp đồng trước thời hạn: 303.223 đồng. Ngoài ra, còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp bà C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, Công ty S được yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà C vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Công ty S.

Bị đơn bà Trần Thị Ngọc C quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, tổng đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà C không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn do bà V là đại diện theo ủy quyền có đơn vắng mặt và yêu cầu bà C phải thanh toán tổng số tiền 7.258.787 đồng (tạm tính đến ngày 26/12/2024), trong đó: Tiền gốc: 4.331.760 đồng, tiền lãi trong hạn: 168.978 đồng; Tiền lãi quá hạn: 597.999 đồng; P mượn xe: 1.736.700 đồng; phí quản lý hồ sơ: 76.808 đồng và phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 346.541 đồng. Ngoài ra, còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn bà C vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và còn phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 309, 310, 311, 313, 316, 375, 463, 466, 468, 470, 494, 496, 497 của Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S có ngay. Buộc bà Trần Thị Ngọc C có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc chưa thanh toán, lãi phát sinh theo hợp đồng cầm cố ngày 20/9/2023 cho đến khi thanh toán xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Trần Thị Ngọc C cầm cố xe máy cho Công ty S để nhận tiền, ngay sau đó lập giấy mượn xe đã cầm cố để làm phương tiện đi lại. Như vậy, bản chất của giao dịch dân sự lập hợp đồng cầm cố và Giấy mượn xe giữa Công ty S và bà C là để che đậy mục đích vay tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*tranh chấp hợp đồng vay cố cầm cố tài sản*” và “*tranh chấp hợp đồng mượn tài sản*” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại phường M, thành phố L nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại hợp đồng cầm cố số LJM230901008NA17X ngày 01/8/2020, giấy mượn xe ngày 20/9/2023 ghi rõ địa chỉ của bà C và phiếu xác minh ngày 17/10/2024 của Công an phường M, thành phố L xác định: Đương sự Trần Thị Ngọc C, sinh năm 1985 có đăng ký thường trú tại số I Rạch X, Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, điều này cũng hoàn toàn phù hợp với địa chỉ mà bà C đã cung cấp trong hợp đồng. Do đó căn cứ vào Điều 5 và điểm a

khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05/5/2017, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.3] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn Công ty S do bà Nguyễn Thị Hà V là đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Trần Thị Ngọc C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ hai. Do đó, căn cứ vào Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[1.4] Nguyên đơn ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Hà V theo giấy ủy quyền ngày 01/01/2024, thủ tục ủy quyền trên là phù hợp theo quy định tại các Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận bà V tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo nội dung văn bản ủy quyền.

[1.5] *Về thay đổi yêu cầu khởi kiện:* Tại đơn khởi kiện, Công ty S yêu cầu bà C phải trả lại xe máy đã mượn theo giấy mượn xe mà hai bên đã ký kết; nếu bà C không trả lại xe máy thì phải trả số tiền gốc, lãi và các khoản phí còn nợ theo hợp đồng cầm cố tài sản. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 31/10/2024 nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà C phải trả chiếc xe máy đã mượn và chi phí tố tụng mà chỉ phải trả số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn. Hội đồng xét xử xác định việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án:*

Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S có ngay, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] *Đối với nội dung vay có cầm cố tài sản:*

Ngày 20/9/2023, Chi nhánh L 1 – Công ty TNHH S1, (nay đã thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần S có ngay) cho bà C vay số tiền 8.270.000 đồng (thời hạn: 12 tháng, từ ngày 20/9/2023 đến 20/9/2024), lãi suất cố định là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, và phí quản lý hồ sơ cố định: 0,5%/tháng. Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà C đã cầm cố chiếc xe mô tô biển số 67B2-139.20 thuộc quyền sở hữu của bà C cho Công ty S. Tài sản cầm cố đã được đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm đối với tài sản cầm cố. Tuy nhiên, việc cho vay và cầm cố tài sản các bên không lập thành từng hợp đồng riêng biệt mà lập chung một hợp đồng có tiêu đề là “hợp đồng cầm cố” và “phụ lục hợp đồng cầm cố” kèm theo (gọi tắt là hợp đồng cầm cố). Trong hợp đồng cầm cố các bên thỏa thuận số tiền vay, lãi suất, thời hạn, phương thức thanh toán, phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các khoản phí liên quan đến cầm cố tài sản.

Quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố bà C chỉ mới thanh toán được 5.820.000 đồng, trong đó: tiền gốc: 3.938.240 đồng; lãi: 439.524 đồng; phí quản lý hồ sơ cố định: 201.736 đồng; phí mượn xe: 1.240.500 đồng. Sau đó, bà C không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty S nữa. Căn cứ các tài

liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, xác định bà C còn nợ Công ty S với số tiền 5.098.737 đồng (tạm tính đến ngày 26/12/2024), trong đó: Tiền gốc: 4.331.760 đồng, tiền lãi trong hạn: 168.978 đồng; Tiền lãi quá hạn: 597.999 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc tính tiền lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn của Công ty S là có căn cứ và phù hợp với các thỏa thuận của các bên trong hợp đồng và không trái với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Để đảm bảo cho khoản vay, bà C đã cầm cố chiếc xe mô tô biển số 67B2-139.20 thuộc sở hữu của bà C cho Công ty S. Tài sản cầm cố đã được đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm đối với tài sản cầm cố. Hợp đồng cầm cố giữa Công ty S và bà C được ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức đúng quy định của pháp luật dân sự, đạo đức xã hội và phù hợp với khoản 1 Điều 275, Điều 309, khoản 3 Điều 314, Điều 494 Bộ luật dân sự nên xác định là hợp đồng hợp pháp, là cơ sở để giải quyết quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[2.2] *Đối với nội dung mượn tài sản và các khoản phí đã thỏa thuận trong hợp đồng:*

Theo các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử nhận thấy, do bà C không có phương tiện đi lại để phục vụ công việc cá nhân nên cũng trong ngày 20/9/2023, bà C đã lập Giấy mượn xe để xin mượn lại chiếc xe mang biển số 67B2-139.20 đã cầm cố trong thời hạn 30 ngày từ ngày 20/9/2023 đến ngày 20/9/2024 và Công ty đã đồng ý bàn giao tài sản cầm cố trên cho bà C mượn. Việc các bên thỏa thuận cho mượn lại tài sản cầm cố và thỏa thuận các khoản phí trong hợp đồng là sự tự nguyện của các bên tham gia giao dịch, không bị pháp luật cấm tại thời điểm thỏa thuận.

Theo đó, Công ty S yêu cầu bà C trả các khoản phí gồm: Phí mượn xe: 1.736.700 đồng; phí quản lý hồ sơ: 76.808 đồng và phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 346.541 đồng. Tuy nhiên, theo Hợp đồng cầm cố, phụ lục hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe đề cùng ngày 20/9/2023 không có quy định về phí mượn xe, đồng thời các bên không có thỏa thuận khác. Do đó, chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty S về việc buộc bà C thanh toán phí quản lý hồ sơ: 76.808 đồng và phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 346.541 đồng; không chấp nhận yêu cầu của Công ty S về việc buộc bà C thanh toán phí mượn xe với số tiền 1.736.700 đồng.

[3] Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà C để bà thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu và tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn. Tuy nhiên, bà vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử và không gửi văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện cũng như những tài liệu, chứng cứ do Công ty S xuất trình nên xem như bà tự từ bỏ quyền lợi của mình được pháp luật quy định. Do bà C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thực hiện đúng như nội dung thỏa thuận nên căn cứ theo quy định tại các Điều 280, Điều 357, Điều 499 Bộ luật dân sự 2015, yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn là phù hợp do đó được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Ngọc C có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền 5.522.086 đồng (tạm tính đến ngày 26/12/2024), trong đó: Tiền gốc: 4.331.760 đồng, tiền lãi trong hạn: 168.978 đồng; Tiền lãi quá hạn: 597.999 đồng; phí quản lý hồ sơ: 76.808 đồng và phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 346.541 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty S được chấp nhận một phần nên phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận.

Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 280, Điều 298, Điều 299, Điều 303, Điều 309, Điều 310, Điều 311, Điều 351, Điều 357, Điều 494, Điều 496 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ – HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với bà Trần Thị Ngọc C.

[1] Buộc bà Trần Thị Ngọc C có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay với tổng số tiền 5.522.086 đồng (*năm triệu, năm trăm hai mươi hai nghìn, không trăm tám mươi sáu đồng*) (tạm tính đến ngày 26/12/2024), trong đó: Tiền gốc: 4.331.760 đồng (*bốn triệu, ba trăm ba mươi một nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng*), tiền lãi trong hạn: 168.978 đồng (*một trăm sáu mươi tám nghìn, chín trăm bảy mươi tám đồng*); T lãi quá hạn: 597.999 đồng (*năm trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng*); phí quản lý hồ sơ: 76.808 đồng (*bảy mươi sáu nghìn, tám trăm lẻ tám đồng*) và phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 346.541 đồng (*ba trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm bốn mươi một đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bà C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền thì Công ty cổ phần S Có Ngay có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, biển số 67B2-139.20 để thi hành án.

[2] Không chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần S Có Ngay buộc bà Trần Thị Ngọc C thanh toán số tiền phí mượn xe 1.736.700 đồng (*một triệu, bảy trăm ba mươi sáu nghìn, bảy trăm đồng*).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc C phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty cổ phần S phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001639 ngày 17/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Công ty cổ phần S Có Ngay đã nộp xong.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP Long Xuyên;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Dung